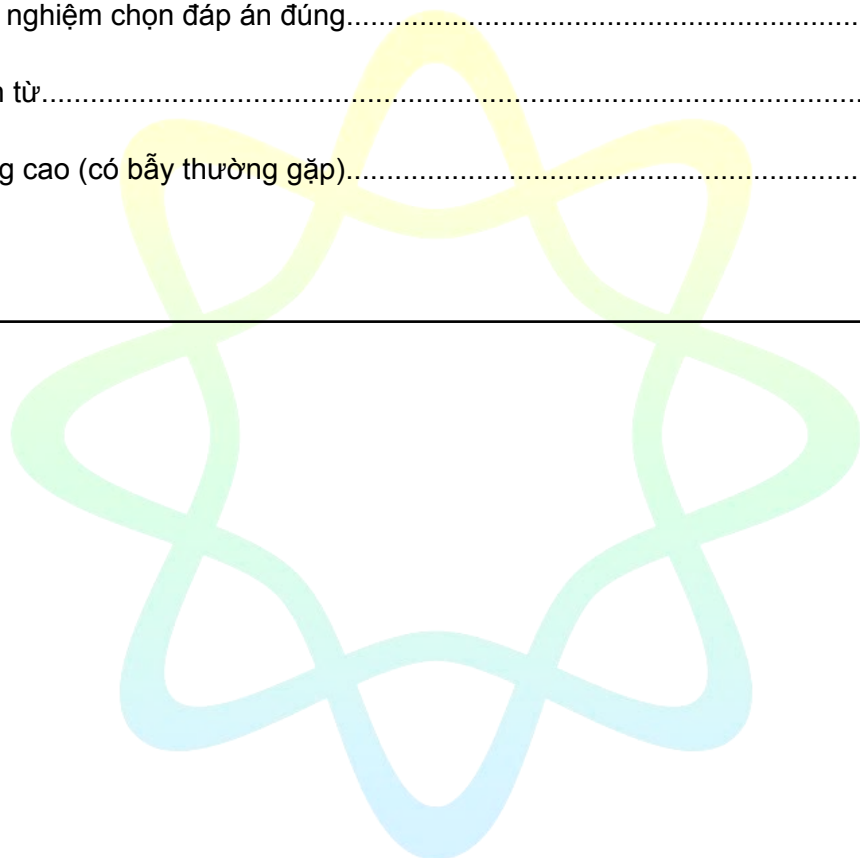


Bài tập thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn

Cách học hiệu quả nhất để nắm vững những khác biệt cốt lõi về cấu trúc và ngữ cảnh sử dụng của **thì quá khứ đơn** và **quá khứ tiếp diễn** chính là luyện tập. Cùng khám phá kho **bài tập thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn** kèm đáp án chi tiết được **ELSA Speak** tổng hợp ngay sau đây!

1. Bài tập chia động từ (kết hợp 2 thì).....	2
2. Bài tập trắc nghiệm chọn đáp án đúng.....	4
3. Bài tập điền từ.....	6
4. Bài tập nâng cao (có bẫy thường gặp).....	7



1. Bài tập chia động từ (kết hợp 2 thì)

Đề bài: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc

1. While I (study) _____ in my room, my roommates (have) _____ a party in the other room.
2. The sun (shine) _____ brightly when we (get) _____ to the beach.
3. They (play) _____ video games when the electricity (go) _____ off.
4. What (you/do) _____ at 8:00 PM last night?
5. She (not/hear) _____ the doorbell because she (listen) _____ to loud music.
6. We (drive) _____ on the highway when a dog suddenly (run) _____ across the road.
7. While Tom (read) _____ a novel, Amelie (watch) _____ a documentary on TV.
8. I (fall) _____ asleep while I (watch) _____ that boring movie.
9. He (break) _____ his arm while he (skate) _____ in the park.
10. When I (arrive) _____ at the party, everyone (dance) _____ happily.
11. The police (stop) _____ him because he (drive) _____ too fast.
12. I (find) _____ this old photo while I (clean) _____ the attic.
13. While we (wait) _____ for the bus, we (see) _____ a serious accident.
14. Who (you/talk) _____ to when I (walk) _____ into the office?
15. The baby (sleep) _____ soundly when the phone (ring) _____ loudly.

Đáp án bài tập chia động từ (kết hợp 2 thì)

Câu	Đáp án	Giải thích
1	was studying were having	Hai hành động học và tiệc tùng diễn ra song song cùng lúc, dùng quá khứ tiếp diễn cho cả hai.
2	was shining got	Mặt trời đang chiếu sáng là bối cảnh thời tiết (tiếp diễn) khi chúng tôi đến (đơn).
3	were playing went	Đang chơi game (hành động dài) thì điện tắt (hành động ngắn xen vào).
4	were you doing	Câu hỏi về hành động đang diễn ra tại một mốc thời gian cụ thể (8 giờ tối qua).
5	did not hear was listening	Việc nghe nhạc đang diễn ra liên tục khiến cô ấy không nghe thấy tiếng chuông.
6	were driving ran	Đang lái xe (quá trình) thì con chó chạy qua (sự việc bất ngờ).
7	was reading was watching	Hai hành động song song của hai người khác nhau, không ảnh hưởng lẫn nhau.
8	fell was watching	Hành động ngủ gục xen vào giữa quá trình đang xem phim.
9	broke was skating	Tai nạn gãy tay xảy ra trong lúc đang trượt băng.
10	arrived was dancing	Khi tôi đến (thời điểm), hành động nhảy múa đang diễn ra làm nền.
11	stopped was driving	Cảnh sát chặn lại khi hành động lái xe nhanh đang diễn ra.
12	found was cleaning	Tìm thấy đồ vật (ngắn) trong lúc đang dọn dẹp (dài).
13	were waiting saw	Đang chờ xe (bối cảnh) thì nhìn thấy tai nạn (sự việc).
14	were you talking walked	Câu hỏi tập trung vào hành động đang diễn ra khi người khác bước vào.
15	was sleeping rang	Tiếng chuông reo cắt ngang giấc ngủ của em bé.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập chia động từ (kết hợp 2 thì)

2. Bài tập trắc nghiệm chọn đáp án đúng

Đề bài: Chọn đáp án đúng nhất

1. When I saw him, he _____ a portrait of his wife.
A. painted B. was painting C. paints D. paint
2. _____ you sleeping when I called you last night?
A. Did B. Was C. Were D. Are
3. While Mrs. Smith _____ the garden, she found a diamond ring.
A. dug B. was digging C. digs D. is digging
4. As I _____ down the street, I bumped into an old friend.
A. walked B. am walking C. was walking D. walk
5. The postman _____ while I was having breakfast.
A. come B. comes C. was coming D. came
6. What _____ at this time yesterday?
A. did you do B. were you doing C. are you doing D. do you do
7. I _____ attention when the teacher asked me a question.
A. wasn't paying B. didn't pay C. not paying D. am not paying
8. While my brother was studying, my sister _____ a cake.
A. made B. makes C. was making D. make
9. The electricity went off while we _____ the football match.
A. watched B. are watching C. were watching D. watch
10. He _____ his keys while he was jogging in the park.
A. lost B. was losing C. loses D. lose
11. _____ it raining when you left the house?
A. Did B. Was C. Were D. Is
12. They _____ quietly when the teacher entered the classroom.
A. sat B. are sitting C. were sitting D. sit
13. I saw a crash while I _____ for the taxi.
A. waited B. was waiting C. wait D. am waiting
14. When the phone rang, I _____ a shower.
A. had B. was having C. have D. am having
15. While the children _____ in the park, it started to thunder.
A. played B. play C. are playing D. were playing

Đáp án bài tập chọn đáp án đúng

Câu	Đáp án	Giải thích
1	B. was painting	Hành động vẽ đang diễn ra tại thời điểm nhìn thấy.
2	C. Were	Chủ ngữ You đi với Were trong câu nghi vấn tiếp diễn.
3	B. was digging	Mệnh đề sau While chia quá khứ tiếp diễn (hành động nền).
4	C. was walking	As có chức năng tương tự While/When, diễn tả hành động đang xảy ra.
5	D. came	Người đưa thư đến là hành động ngắn, dứt khoát xen vào.
6	B. were you doing	Cụm từ At this time yesterday là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ tiếp diễn.
7	A. wasn't paying	Trạng thái không chú ý đang diễn ra thì bị giáo viên hỏi.
8	C. was making	Hai hành động (học và làm bánh) diễn ra song song.
9	C. were watching	Mất điện xen vào lúc đang xem tivi.
10	A. lost	Đánh rơi chìa khóa là hành động xảy ra tức thì, không kéo dài.
11	B. Was	Chủ ngữ It (trời) đi với Was.
12	C. were sitting	Họ đang ngồi (trạng thái tiếp diễn) thì giáo viên vào.
13	B. was waiting	Mệnh đề sau While chia quá khứ tiếp diễn.
14	B. was having	Đang tắm (hành động) thì điện thoại reo.
15	D. were playing	Trẻ em đang chơi thì trời bắt đầu sấm sét.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập chọn đáp án đúng

3. Bài tập điền từ

Đề bài: Hoàn thành đoạn văn (Điền từ)

Last Saturday, I (1. decide) _____ to stay home because the weather was bad. Outside, the wind (2. blow) _____ strongly and it (3. rain) _____ heavily. I (4. sit) _____ on the sofa and (5. read) _____ a book when suddenly the lights (6. go) _____ out. The house (7. become) _____ pitch black. While I (8. look) _____ for some candles, I (9. hear) _____ a strange noise near the door. My heart (10. beat) _____ fast as I (11. walk) _____ towards the sound. I (12. open) _____ the door slowly. To my surprise, a small wet cat (13. stand) _____ there. It (14. shiver) _____ with cold. I let it in and gave it some milk. While the cat (15. drink) _____ the milk, the lights came back on.

Đáp án bài tập hoàn thành đoạn văn

Câu	Đáp án	Giải thích
1	decided	Quyết định là một hành động đơn lẻ đã hoàn thành.
2	was blowing	Mô tả bối cảnh thời tiết đang diễn ra bên ngoài.
3	was raining	Mô tả bối cảnh thời tiết (song song với gió thổi).
4	was sitting	Hành động đang diễn ra làm nền cho sự việc đèn tắt.
5	reading	Rút gọn của "was reading", song song với hành động ngồi.
6	went	Đèn tắt là sự việc xảy ra bất ngờ, chấm dứt ngay.
7	became	Sự thay đổi trạng thái xảy ra tức thì.
8	was looking	Hành động tìm kiếm đang diễn ra (kéo dài).
9	heard	Nghe thấy là động từ tri giác, xảy ra bất ngờ xen ngang.
10	was beating	Tim đập nhanh là trạng thái cơ thể diễn ra trong lúc sợ hãi.
11	was walking	Hành động di chuyển đang diễn ra về phía cửa.
12	opened	Hành động ngắn, dứt khoát.
13	was standing	Khi mở cửa ra, con mèo đang ở trạng thái đứng đó (bối cảnh).
14	was shivering	Con mèo đang run rẩy (mô tả tình trạng đang diễn ra).
15	was drinking	Trong khi mèo đang uống sữa (hành động dài) thì đèn sáng lại.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập hoàn thành đoạn văn

4. Bài tập nâng cao (có bẫy thường gặp)

Đề bài: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc

1. I (want) _____ to leave while he was giving the boring speech.
2. The soup (smell) _____ wonderful while my mom (cook) _____ it.
3. He (seem) _____ annoyed while we (discuss) _____ the plan.
4. When I (get) _____ home, the water (boil) _____ on the stove, so I turned it off.
5. While I (have) _____ a bath, the telephone (ring) _____.
6. He was always (complain) _____ about his boss when he worked there.
7. I (know) _____ the answer immediately while the teacher (ask) _____ the question.
8. While I (drive) _____ to work, I (remember) _____ that I had left my laptop at home.
9. At 7 PM yesterday, I (think) _____ about calling you, but then I (decide) _____ not to.
10. She (own) _____ that house while she (live) _____ in London.
11. While he (be) _____ in Paris, he (visit) _____ the Eiffel Tower.
12. I (see) _____ an old friend while I (wait) _____ for the train.
13. The flower (smell) _____ sweet while I (hold) _____ it.
14. My dad (read) _____ the newspaper while my mom (prepare) _____ lunch quietly.
15. I (open) _____ the door, (enter) _____ the room, and (sit) _____ down.

Đáp án bài tập nâng cao

Câu	Đáp án	Giải thích
1	wanted	Want là động từ chỉ trạng thái (Stative verb), không dùng tiếp diễn dù có while.
2	smelt was cooking	Smell chỉ tính chất của món súp (chia đơn). Cook là hành động đang diễn ra.
3	seemed were discussing	Seem là động từ liên kết/trạng thái, không chia tiếp diễn.
4	got was boiling	Nước đang sôi sắn (bối cảnh) khi tôi về tới nhà.
5	was having rang	Have a bath là hành động (tắm), được dùng tiếp diễn. Ring xen ngang.
6	complaining	Cấu trúc "was always + V-ing" phàn nàn về thói quen xấu trong quá khứ.
7	knew was asking	Know là động từ nhận thức, không chia tiếp diễn.
8	was driving remembered	Remember là hành động trí óc xảy ra tức thời (sự nhớ), driving là bối cảnh.
9	was thinking decided	Think ở đây là quá trình suy nghĩ cân nhắc (mental process). Decide là chốt hạ.
10	owned lived	Own (sở hữu) là trạng thái. Lived diễn tả sự định cư lâu dài (state), dùng đơn tự nhiên hơn.
11	was visited	To be (thì, là, ở) rất hiếm khi chia tiếp diễn. Visit là hành động kể lại.
12	saw was waiting	See là nhìn thấy thụ động, không chia seeing. Wait là hành động kéo dài.
13	smelt was holding	Smell chỉ tính chất hương thơm. Hold là hành động cầm nắm.
14	was reading was preparing	Hai hành động song song, prepare là hành động có quá trình.
15	opened entered sat	Chuỗi hành động liên tiếp xảy ra theo trình tự thời gian, tất cả chia thì quá khứ đơn.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập nâng cao